

**FOLK LITERARY HERITAGE - A SOFT CULTURAL RESOURCE
IN THE DEVELOPMENT OF ECOTOURISM IN VIETNAM:**

A Case Study of Bac Ninh Province

Le Van Tan^a

Nguyen Thi Huong^b

^{a,b}Faculty of Tourism, Vietnam Trade Union University

ROR: <https://ror.org/05g81h903>

^aEmail: tanlv@dhcd.edu.vn

ORCID iD: <https://orcid.org/0000-0001-7589-4238>

^bEmail: huongntdl@dhcd.edu.vn

ORCID iD: <https://orcid.org/0000-0002-0271-1207>

Article History

Received: 06/11/2025

Reviewed: 16/01/2026

Revised: 22/02/2026

Accepted: 20/3/2026

Released: 30/3/2026

DOI: <https://doi.org/10.64223/tvj.p2026.v2.i5.a92>

Abstract:

This article focuses on analyzing the role of folk literature heritage as a soft cultural resource in the development of spiritual and ecotourism, through a case study of Bac Ninh province. Based on an interdisciplinary approach between folk literature, cultural studies, and tourism studies, the article clarifies the mechanisms by which legends, myths, folk songs, and Quan Ho folk songs participate in the process of creating tourism spaces and enhancing the depth of cultural and spiritual experiences for tourists. The research results show that exploiting folk literature heritage helps shift the focus of tourism development from physical spaces to cultural experiences, while contributing to positioning destination identity in a sustainable direction. The article also points out the challenges in balancing exploitation and preservation, thereby proposing some implications for policy and practice in the development of spiritual and ecotourism in Vietnam today.

Keywords: Folk literature; Soft cultural resource; Ecotourism; Bac Ninh Province.

1. Mở đầu

Trong những thập niên gần đây, Du lịch sinh thái đã trở thành một xu hướng phát triển quan trọng ở Việt Nam, phản ánh nhu cầu ngày càng tăng của xã hội đối với những trải nghiệm du lịch mang chiều sâu tinh thần, gắn với bản sắc văn hóa và môi trường tự nhiên. Khác với các loại hình Du lịch đại chúng thiên về giải trí hoặc tiêu dùng, Du lịch sinh thái hướng tới sự hài hòa giữa con người, văn hóa và thiên nhiên, đặt trọng tâm vào trải nghiệm, nhận thức và giá trị bền vững.

Trong bối cảnh đó, Di sản văn hóa, đặc biệt là Di sản văn hóa phi vật thể ngày càng được xem là một nguồn lực quan trọng cho phát triển du lịch. Tuy nhiên, trong nhiều nghiên cứu và thực tiễn quản lý, Di sản văn hóa dân gian thường được nhìn nhận như một yếu tố bổ trợ, đóng vai trò minh họa hoặc làm phong phú thêm cho các điểm đến có sẵn, thay vì được xem là một nguồn lực độc lập có khả năng kiến tạo trải nghiệm và tạo giá trị gia tăng cho du lịch. Bài viết này xuất phát từ giả định rằng, di sản văn hóa dân gian với tư cách là kết tinh của ký ức

tập thể, tri thức truyền thống và thế giới quan của cộng đồng, có thể được tiếp cận như một nguồn lực văn hóa mềm trong phát triển Du lịch sinh thái. Thông qua nghiên cứu trường hợp tỉnh Bắc Ninh - một địa phương giàu Di sản văn học dân gian nhưng không có lợi thế nổi trội về cảnh quan sinh thái quy mô lớn, bài viết nhằm làm rõ cách thức mà Văn học dân gian tham gia vào quá trình kiến tạo không gian du lịch và định hình trải nghiệm của du khách.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Văn học dân gian trong tiếp cận văn hóa học

Văn học dân gian là bộ phận quan trọng của Di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm các thể loại như thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, ca dao, dân ca, tục ngữ... Đặc trưng cơ bản của Văn học dân gian là tính truyền miệng, tính nguyên hợp (tính cộng đồng) và tính dị bản. Theo Đinh Gia Khánh, Văn học dân gian không chỉ phản ánh đời sống tinh thần của cộng đồng, mà còn giữ vai trò điều chỉnh hành vi xã hội, truyền tải tri thức và định hình hệ giá trị văn hóa (Đinh Gia Khánh, 1998). Trong tiếp cận Văn hóa học, Văn học dân gian được xem là “văn

bản văn hóa sống”, tồn tại và biến đổi trong không gian xã hội cụ thể. Chính đặc điểm này cho phép Văn học dân gian gắn bó chặt chẽ với không gian làng xã, tín ngưỡng, lễ hội và môi trường tự nhiên, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tích hợp vào các hoạt động du lịch mang tính trải nghiệm.

2.2. Nguồn lực văn hóa mềm trong du lịch

Khái niệm “nguồn lực văn hóa mềm” được kế thừa từ lý thuyết quyền lực mềm của Joseph Nye, trong đó nhấn mạnh vai trò của sức hấp dẫn văn hóa, giá trị và biểu tượng trong việc tạo ảnh hưởng (Joseph Nye, 1990). Áp dụng vào lĩnh vực du lịch, nguồn lực văn hóa mềm có thể được hiểu là những yếu tố văn hóa phi vật thể có khả năng tạo nên bản sắc, cảm xúc và sự gắn kết của du khách với điểm đến. Khác với các tài nguyên du lịch hữu hình, nguồn lực văn hóa mềm không thể đo lường trực tiếp bằng số lượng hay quy mô, mà được thể hiện thông qua chất lượng trải nghiệm, mức độ hài lòng và ký ức mà du khách mang theo sau chuyến đi. Văn học dân gian, với khả năng kể chuyện, biểu tượng hóa không gian và truyền tải tri thức là một dạng nguồn lực văn hóa mềm tiêu biểu trong du lịch sinh thái.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

- Phân tích - tổng hợp tài liệu thứ cấp về văn học dân gian, du lịch sinh thái và phát triển bền vững.
- Phương pháp liên ngành, kết hợp văn học dân gian, văn hóa học và du lịch học.
- Phương pháp so sánh - đối chiếu, thông qua việc đặt trường hợp Bắc Ninh trong mối tương quan với một số địa phương khác.

3. Văn học dân gian và kiến tạo không gian du lịch sinh thái

3.1. Truyền thuyết, thần tích và quá trình thiêng hóa không gian trải nghiệm

Trong hệ thống Di sản văn học dân gian tỉnh Bắc Ninh được khảo cứu, truyền thuyết và thần tích giữ vai trò đặc biệt trong việc kiến tạo và duy trì tính thiêng của không gian văn hóa làng xã. Không gian trong truyền thuyết và thần tích không đơn thuần là bối cảnh vật lý, mà là một không gian được “văn bản hóa”, nơi các yếu tố tự nhiên, lịch sử và tín ngưỡng được kết nối thông qua diễn ngôn dân gian.

Từ các tư liệu thần tích và truyền thuyết có thể nhận thấy rằng, quá trình thiêng hóa không gian thường diễn ra thông qua ba lớp ý nghĩa đan xen: (1) Gắn không gian với nhân vật linh thiêng hoặc anh

hùng văn hóa; (2) Hợp thức hóa không gian bằng hệ thống nghi lễ và thiết chế tín ngưỡng; (3) Duy trì tính thiêng thông qua việc kể lại, diễn xướng và thực hành văn hóa trong đời sống cộng đồng. Chính sự lặp lại và tái diễn liên tục của các câu chuyện dân gian đã giúp Không gian vật lý được chuyển hóa thành Không gian văn hóa có giá trị bền vững.

Nhiều làng quê ở Bắc Ninh được định danh và ghi nhớ thông qua các truyền thuyết về thành hoàng làng, các vị thần bảo trợ hoặc các nhân vật lịch sử được dân gian hóa. Những nhân vật này thường gắn với các yếu tố tự nhiên như sông, bãi, gò, cây cổ thụ hay khu đất thiêng, qua đó tạo nên mối liên kết chặt chẽ giữa con người, lịch sử và môi trường tự nhiên. Thần tích, với tư cách là hình thức văn bản hóa truyền thuyết, không chỉ ghi nhận công trạng của nhân vật được thờ phụng, mà còn xác lập tính chính danh và thiêng liêng cho không gian thờ tự.

Đáng chú ý, trong các truyền thuyết và thần tích được khảo cứu, yếu tố siêu nhiên thường không tách rời khỏi đời sống sản xuất và sinh hoạt của cư dân nông nghiệp. Các vị thần không chỉ là đối tượng thờ cúng, mà còn là lực lượng bảo trợ cho mùa màng, làng xóm và trật tự xã hội. Điều này cho thấy, quá trình thiêng hóa không gian trong văn học dân gian không mang tính siêu hình thuần túy, mà gắn chặt với nhu cầu sinh tồn và ổn định đời sống của cộng đồng. Không gian linh thiêng vì thế trở thành trung tâm cố kết xã hội, nơi hội tụ các giá trị văn hóa, đạo đức và niềm tin tập thể.

Từ góc độ Du lịch sinh thái, những không gian được thiêng hóa thông qua truyền thuyết và thần tích có tiềm năng trở thành điểm đến mang chiều sâu trải nghiệm. Khác với các không gian tâm linh được kiến tạo chủ yếu bằng quy mô kiến trúc hoặc cảnh quan tự nhiên lớn, các không gian thiêng ở Bắc Ninh mang tính “văn hóa mềm”, được định hình bởi câu chuyện, ký ức và thực hành văn hóa. Du khách khi tiếp cận những không gian này không chỉ tham quan di tích, mà còn được dẫn dắt vào một hệ thống ý nghĩa văn hóa thông qua việc nghe kể truyền thuyết, tìm hiểu thần tích và tham gia các sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống.

Tuy nhiên, khi được đưa vào khai thác du lịch, quá trình thiêng hóa không gian cũng đứng trước nguy cơ bị giản lược hoặc thương mại hóa. Nếu truyền thuyết và thần tích chỉ được sử dụng như những câu chuyện minh họa ngắn gọn, tách rời khỏi bối cảnh văn hóa - xã hội vốn có, thì tính thiêng của không gian sẽ dần bị suy giảm. Do đó, việc khai thác truyền thuyết và thần tích cho du lịch sinh thái cần được đặt trong khung bảo tồn, tôn trọng vai trò của cộng đồng địa phương và duy trì mối liên kết giữa

câu chuyện, nghi lễ và không gian sống.

3.2. Ca dao, dân ca Quan họ và chiều sâu trải nghiệm văn hóa - sinh thái

Trong cấu trúc Di sản văn học dân gian Bắc Ninh, ca dao và đặc biệt là dân ca Quan họ không chỉ được xem như một loại hình nghệ thuật trình diễn, mà còn như một hệ thống diễn ngôn văn hóa phản ánh sâu sắc mối quan hệ giữa con người, cộng đồng và môi trường sinh thái. Khác với truyền thuyết và thần tích vốn tập trung vào quá trình thiêng hóa không gian thông qua các nhân vật và sự kiện linh thiêng, ca dao và Quan họ đi sâu vào đời sống thường nhật, cảm xúc và tri thức dân gian, qua đó tạo nên chiều sâu trải nghiệm văn hóa - sinh thái cho không gian du lịch.

Ca dao và lời ca Quan họ Bắc Ninh mang đậm dấu ấn của Không gian sinh thái làng quê Kinh Bắc, với hệ thống hình ảnh quen thuộc như sông nước, bến đò, cánh đồng, mùa vụ, cây cối và sinh hoạt cộng đồng. Những hình ảnh này không xuất hiện một cách ngẫu nhiên, mà phản ánh trực tiếp môi trường sống và phương thức sản xuất của cư dân nông nghiệp lúa nước. Qua đó, thiên nhiên trong ca dao và Quan họ không chỉ là bối cảnh, mà trở thành một thành tố tham gia vào cấu trúc cảm xúc và ý nghĩa của lời ca.

Về phương diện Không gian văn hóa, Ca dao và Quan họ gắn chặt với các thiết chế truyền thống của làng xã Bắc Ninh như đình làng, bến nước, sân đình, không gian lễ hội và các sinh hoạt cộng đồng. Không gian diễn xướng Quan họ truyền thống là không gian mở, gắn với cảnh quan tự nhiên và đời sống cộng đồng, khác biệt căn bản với không gian sân khấu hóa hiện đại. Chính sự gắn bó hữu cơ giữa lời ca, con người và không gian sinh thái này đã tạo nên giá trị đặc biệt của Quan họ trong việc kiến tạo trải nghiệm văn hóa sâu cho du lịch.

Từ góc độ du lịch sinh thái, Ca dao và dân ca Quan họ có khả năng tạo nên chiều sâu trải nghiệm thông qua việc kích hoạt ký ức văn hóa và cảm xúc của du khách. Theo cách tiếp cận được gợi mở trong cuốn sách, trải nghiệm Quan họ không chỉ dừng lại ở việc “xem” hay “nghe” một tiết mục biểu diễn, mà cần được đặt trong bối cảnh Không gian văn hóa - sinh thái nguyên gốc. Khi du khách được nghe Quan họ tại làng Quan họ, bên bến nước hoặc trong dịp lễ hội truyền thống, trải nghiệm du lịch được chuyển hóa từ mức độ thưởng thức nghệ thuật sang mức độ tham dự văn hóa. Trong quá trình khai thác Quan họ cho du lịch, nguy cơ sân khấu hóa và tách rời khỏi bối cảnh sinh thái - văn hóa là rất rõ rệt. Khi Quan họ bị trình diễn như một sản phẩm giải trí thuần túy,

các lớp ý nghĩa gắn với không gian, cộng đồng và tri thức sinh thái có nguy cơ bị giản lược. Điều này không chỉ làm suy giảm giá trị văn hóa của Quan họ, mà còn làm nghèo đi trải nghiệm Du lịch sinh thái vốn cần chiều sâu và sự lắng đọng. Thông qua lời ca, du khách không chỉ tiếp cận tín ngưỡng, lễ hội và đời sống tinh thần của cộng đồng, mà còn hiểu được cách cư dân địa phương cảm nhận, ứng xử và thích nghi với môi trường tự nhiên. Đây chính là giá trị gia tăng mà Nguồn lực văn hóa mềm từ Văn học dân gian mang lại cho du lịch.

3.3. Tri thức sinh thái truyền thống trong Văn học dân gian

Văn học dân gian không chỉ là hình thức biểu đạt thẩm mỹ hay tín ngưỡng, mà còn là nơi lưu giữ và truyền tải một hệ thống tri thức sinh thái truyền thống của cư dân địa phương. Tri thức này được hình thành qua quá trình cư trú lâu dài, thích nghi và tương tác bền bỉ giữa con người với môi trường tự nhiên, đặc biệt trong bối cảnh xã hội nông nghiệp lúa nước vùng đồng bằng Bắc Bộ. Trong Văn học dân gian Bắc Ninh, tri thức sinh thái truyền thống được “mã hóa” một cách tinh tế trong các thể loại như Tục ngữ, Ca dao, Truyền thuyết và Nghi lễ dân gian.

Tri thức sinh thái trước hết thể hiện ở khả năng quan sát và dự báo tự nhiên của cư dân dân gian. Thông qua Ca dao, Tục ngữ, người xưa đúc kết những kinh nghiệm liên quan đến thời tiết, mùa vụ, thủy văn và quy luật sinh trưởng của cây trồng. Những tri thức này không tồn tại dưới dạng lý thuyết trừu tượng, mà được truyền đạt bằng ngôn ngữ hình ảnh, vần điệu, dễ nhớ và dễ áp dụng trong đời sống thường nhật. Chính hình thức Văn học dân gian đã giúp tri thức sinh thái được lưu truyền bền vững qua nhiều thế hệ, ngay cả trong điều kiện không có văn bản khoa học.

Việc gắn các yếu tố sinh thái như sông, bãi, cây cỏ thụ, ao hồ hay gò đồi với các nhân vật linh thiêng đã tạo nên những “vùng không gian thiêng”, nơi con người phải ứng xử một cách thận trọng và tôn kính. Dưới góc nhìn sinh thái học văn hóa, đây là một cơ chế điều chỉnh hành vi mang tính cộng đồng, giúp hạn chế khai thác quá mức tài nguyên và bảo vệ cảnh quan làng quê. Tri thức sinh thái truyền thống trong văn học dân gian Bắc Ninh còn thể hiện ở quan niệm hài hòa giữa con người và tự nhiên. Trong Ca dao, Dân ca và Quan họ, thiên nhiên không bị đối lập với con người, mà thường được nhân cách hóa, trở thành đối tượng giao cảm và chia sẻ cảm xúc. Quan niệm này phản ánh một thế giới quan sinh thái đặc trưng, trong đó con người ý thức rõ sự phụ thuộc của mình vào môi trường sống và tìm cách thích

ngihtay vì chinh phục tự nhiên.

Từ góc độ Du lịch sinh thái, tri thức sinh thái truyền thống được phản ánh trong văn học dân gian có giá trị đặc biệt trong việc nâng cao nhận thức môi trường cho du khách. Khác với các hình thức giáo dục môi trường mang tính khoa học - kỹ thuật, Tri thức sinh thái dân gian được truyền tải thông qua câu chuyện, hình ảnh và cảm xúc, giúp du khách tiếp cận một cách tự nhiên và dễ đồng cảm hơn. Khi các câu chuyện dân gian, ca dao, truyền thuyết được lồng ghép vào hoạt động thuyết minh và trải nghiệm du lịch, chúng không chỉ cung cấp thông tin, mà còn khơi gợi sự tôn trọng đối với môi trường và văn hóa truyền thống địa phương.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định rằng, Tri thức sinh thái truyền thống như được phản ánh trong Văn học dân gian Bắc Ninh là một thành tố quan trọng của nguồn lực văn hóa mềm cho phát triển Du lịch sinh thái. Việc nhận diện, bảo tồn và khai thác hợp lý tri thức này không chỉ góp phần làm giàu nội dung du lịch, mà còn mở ra khả năng kết nối giữa bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể và bảo vệ môi trường sinh thái trong bối cảnh phát triển bền vững hiện nay.

4. Văn học dân gian như nguồn lực mềm và trường hợp tỉnh Bắc Ninh

Trong bối cảnh phát triển du lịch gắn với bảo tồn di sản văn hóa hiện nay, văn học dân gian ngày càng được nhìn nhận không chỉ như đối tượng nghiên cứu và bảo tồn, mà còn như một dạng nguồn lực văn hóa mềm có khả năng tạo giá trị gia tăng cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực Du lịch sinh thái. Trường hợp tỉnh Bắc Ninh, với hệ thống di sản văn học dân gian phong phú và đặc sắc, cho thấy rõ tiềm năng và vai trò của nguồn lực này trong việc định hình bản sắc điểm đến và nâng cao chất lượng trải nghiệm du lịch.

Văn học dân gian Bắc Ninh góp phần kiến tạo nguồn lực văn hóa mềm trên ba phương diện chính: thiêng hóa không gian, làm sâu sắc trải nghiệm văn hóa - sinh thái và truyền tải tri thức sinh thái truyền thống. Truyền thuyết và thần tích giúp xác lập chiều sâu lịch sử cho không gian du lịch, biến các địa điểm vật lý thành những không gian mang ý nghĩa biểu tượng. Ca dao, dân ca Quan họ tạo nên tầng cảm xúc và ký ức văn hóa, giúp du khách không chỉ “xem”, mà còn “cảm” và “sống trong” không gian văn hóa địa phương. Trong khi đó, tri thức sinh thái truyền thống được mã hóa trong văn học dân gian cung cấp một hệ quy chiếu giá trị giúp định hướng hành vi ứng xử hài hòa với môi trường.

Trường hợp tỉnh Bắc Ninh cho thấy, chính sự đan

xen giữa các thể loại văn học dân gian đã tạo nên một hệ sinh thái văn hóa mềm mang tính tổng thể. Không gian làng Quan họ, lễ hội truyền thống, các địa điểm thờ tự và cảnh quan sinh thái không tồn tại tách rời, mà được kết nối bởi các câu chuyện, lời ca và thực hành văn hóa. Khi được khai thác một cách hợp lý, hệ sinh thái này có khả năng chuyên hóa các tài nguyên văn hóa rời rạc thành những sản phẩm du lịch có tính trải nghiệm cao, khác biệt với các mô hình du lịch dựa chủ yếu vào quy mô kiến trúc hoặc cảnh quan nhân tạo.

Một điểm đáng chú ý trong trường hợp tỉnh Bắc Ninh là vai trò trung tâm của cộng đồng địa phương trong việc duy trì và kích hoạt nguồn lực văn hóa mềm. Văn học dân gian không tồn tại độc lập như một “văn bản chết”, mà sống trong trí nhớ, lời kể và thực hành văn hóa của cộng đồng. Chính cộng đồng là chủ thể sáng tạo, lưu giữ và tái hiện các giá trị văn học dân gian trong đời sống đương đại. Do đó, việc khai thác Văn học dân gian như Nguồn lực văn hóa mềm cho du lịch chỉ có thể bền vững khi cộng đồng được đặt vào vị trí trung tâm, tham gia trực tiếp vào quá trình thiết kế, tổ chức và thụ hưởng hoạt động du lịch.

Tuy nhiên, ở trường hợp tỉnh Bắc Ninh cũng cho thấy, những thách thức trong việc chuyên hóa Văn học dân gian thành Nguồn lực văn hóa mềm cho du lịch. Quá trình sản phẩm hóa, thương mại hóa và gián lược nội dung có nguy cơ làm mất đi chiều sâu ý nghĩa của di sản. Khi các truyền thuyết, làn điệu Quan họ hay tri thức sinh thái truyền thống bị tách khỏi bối cảnh không gian và cộng đồng, chúng dễ trở thành những “sản phẩm biểu diễn” thiếu chiều sâu trải nghiệm. Điều này đặt ra yêu cầu phải có một cách tiếp cận liên ngành, kết hợp giữa nghiên cứu văn hóa, quản lý du lịch và bảo tồn di sản.

Từ góc độ lý luận và thực tiễn, trường hợp Bắc Ninh gợi mở rằng, việc phát triển Du lịch sinh thái dựa trên Văn học dân gian cần chuyên trọng tâm từ khai thác hình thức sang kích hoạt ý nghĩa. Thay vì tập trung vào số lượng điểm đến hay quy mô sự kiện, cần chú trọng đến việc kể chuyện, diễn giải và thiết kế trải nghiệm dựa trên các giá trị Văn học dân gian. Đây chính là con đường để nguồn lực văn hóa mềm được phát huy đúng bản chất, góp phần nâng cao chất lượng du lịch và bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể một cách bền vững.

5. Thách thức trong khai thác di sản văn học dân gian cho du lịch

Mặc dù di sản văn học dân gian có tiềm năng lớn trong việc tạo dựng nguồn lực văn hóa mềm cho phát triển du lịch sinh thái, thực tiễn khai thác tại tỉnh Bắc Ninh cho thấy, quá trình chuyên hóa di sản

này thành sản phẩm du lịch vẫn đang phải đối mặt với nhiều thách thức. Những thách thức này không chỉ xuất phát từ yếu tố thị trường, mà còn liên quan đến nhận thức, cơ chế quản lý và mối quan hệ giữa bảo tồn di sản với phát triển kinh tế - du lịch.

Thứ nhất, nguy cơ gián lược và làm nghèo giá trị Văn học dân gian trong quá trình thương mại hóa du lịch. Khi Văn học dân gian được đưa vào hoạt động du lịch, đặc biệt dưới hình thức biểu diễn hoặc thuyết minh ngắn gọn, các lớp ý nghĩa phức hợp về lịch sử, tín ngưỡng, tri thức sinh thái và ký ức cộng đồng thường bị lược bỏ để phù hợp với thời lượng và thị hiếu của du khách. Trong nhiều trường hợp, truyền thuyết, ca dao hay Quan họ chỉ còn được sử dụng như yếu tố trang trí cho không gian du lịch, thay vì là trung tâm của trải nghiệm văn hóa. Điều này dẫn đến tình trạng “vật thể hóa” di sản phi vật thể, làm suy giảm bản chất sống và tính linh hoạt vốn có của Văn học dân gian.

Thứ hai, sự tách rời giữa di sản Văn học dân gian và không gian - cộng đồng sản sinh ra nó. Văn học dân gian tồn tại trong mối quan hệ hữu cơ với không gian sinh thái và đời sống cộng đồng. Tuy nhiên, trong thực tiễn khai thác du lịch, không ít trường hợp các yếu tố Văn học dân gian bị “di dời” khỏi bối cảnh gốc, được trình diễn trong không gian nhân tạo hoặc sân khấu hóa, làm mất đi mối liên hệ với môi trường văn hóa truyền thống địa phương. Khi cộng đồng địa phương không còn giữ vai trò chủ thể trong việc kê, hát và diễn giải di sản, giá trị văn hóa mềm của văn học dân gian khó có thể được phát huy một cách trọn vẹn.

Thứ ba, sự thiếu hụt nguồn nhân lực có khả năng diễn giải văn hóa sâu. Khai thác văn học dân gian cho du lịch không chỉ đòi hỏi kiến thức về lịch sử - văn hóa, mà còn cần kỹ năng kể chuyện, diễn giải và kết nối di sản với trải nghiệm của du khách. Tuy nhiên, trong thực tế, đội ngũ hướng dẫn viên và cán bộ làm du lịch tại nhiều địa phương, trong đó có tỉnh Bắc Ninh, chưa được đào tạo bài bản về văn học dân gian và tri thức sinh thái truyền thống. Điều này dẫn đến việc thuyết minh mang tính liệt kê, thiếu chiều sâu và không tạo được sự đồng cảm văn hóa với du khách.

Thứ tư, mâu thuẫn giữa bảo tồn và khai thác cũng là một thách thức mang tính cấu trúc tổng thể. Việc phát triển du lịch thường kéo theo gia tăng lượng khách, thay đổi không gian sinh hoạt và gia tăng áp lực lên các thiết chế văn hóa truyền thống. Nếu không có cơ chế quản lý phù hợp, các hoạt động du lịch có thể làm biến đổi thực hành văn hóa, thậm chí làm gián đoạn quá trình truyền lưu tự nhiên của Văn học dân gian trong cộng đồng. Điều này đặc

biệt đáng lo ngại đối với các loại hình di sản phụ thuộc nhiều vào truyền miệng và diễn xướng như Quan họ.

Thứ năm, việc thiếu khung chính sách và chiến lược dài hạn cho khai thác di sản Văn học dân gian trong du lịch cũng là một trở ngại lớn. Trong nhiều trường hợp, các hoạt động khai thác di sản vẫn mang tính tự phát, ngắn hạn hoặc gắn với các sự kiện lễ hội cụ thể, thiếu sự gắn kết với quy hoạch tổng thể phát triển du lịch và bảo tồn văn hóa. Điều này không chỉ làm hạn chế hiệu quả kinh tế - văn hóa của di sản, mà còn làm gia tăng nguy cơ xung đột lợi ích giữa các bên liên quan.

Thứ sáu, sự thay đổi trong nhu cầu và thói quen tiếp nhận văn hóa của du khách đương đại. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và công nghệ số, du khách ngày càng có xu hướng tìm kiếm trải nghiệm nhanh, trực quan và dễ tiếp cận. Điều này tạo áp lực lên việc giản lược nội dung văn học dân gian để phù hợp với thị hiếu, nhưng đồng thời cũng đặt ra câu hỏi về cách thức giữ gìn chiều sâu văn hóa trong sản phẩm du lịch. Việc dung hòa giữa yêu cầu truyền thông hiện đại và bảo tồn giá trị truyền thống là một bài toán khó, đòi hỏi sự sáng tạo và cách tiếp cận liên ngành.

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng, các thách thức trong khai thác di sản văn học dân gian cho du lịch không chỉ mang tính kỹ thuật hay quản lý, mà còn liên quan đến nhận thức về giá trị và vai trò của di sản trong phát triển bền vững. Việc nhận diện đầy đủ các thách thức này là tiền đề quan trọng để xây dựng các giải pháp phù hợp nhằm phát huy hiệu quả nguồn lực văn hóa mềm, mà vẫn bảo tồn được bản sắc và tính sống của văn học dân gian trong đời sống cộng đồng.

6. Một số hàm ý chính sách

Từ việc phân tích vai trò của văn học dân gian như một nguồn lực văn hóa mềm và những thách thức trong khai thác di sản này cho phát triển du lịch có thể thấy rằng, phát triển du lịch sinh thái dựa trên di sản văn học dân gian không chỉ là vấn đề khai thác tài nguyên, mà là một bài toán chính sách tổng hợp, đòi hỏi sự phối hợp giữa bảo tồn văn hóa, phát triển du lịch và quản lý cộng đồng. Trong bối cảnh đó, trường hợp tỉnh Bắc Ninh gợi mở một số hàm ý chính sách và giải pháp cụ thể sau đây:

Thứ nhất, tích hợp di sản văn học dân gian vào quy hoạch phát triển du lịch. Một hàm ý chính sách quan trọng là cần tích hợp di sản văn học dân gian vào quy hoạch phát triển du lịch ngay từ giai đoạn hoạch định chiến lược, thay vì chỉ coi đây là yếu tố bổ trợ mang tính minh họa. Quy hoạch du lịch

sinh thái cần nhận diện rõ các lớp di sản văn học dân gian gắn với từng không gian cụ thể, bao gồm truyền thuyết, thần tích, ca dao, dân ca Quan họ và tri thức sinh thái truyền thống. Việc tích hợp này giúp chuyển trọng tâm phát triển du lịch từ khai thác “không gian vật thể” sang kiến tạo “trải nghiệm văn hóa - tinh thần”, qua đó nâng cao chất lượng và tính khác biệt của sản phẩm du lịch. Trong trường hợp tỉnh Bắc Ninh, quy hoạch du lịch cần được tiếp cận theo hướng liên kết không gian văn hóa, kết nối các làng Quan họ, di tích thờ tự, lễ hội truyền thống và cảnh quan sinh thái thông qua hệ thống câu chuyện dân gian. Cách tiếp cận này không chỉ giúp phân bổ đồng khách hợp lý, mà còn góp phần bảo tồn cấu trúc không gian văn hóa làng xã - yếu tố nền tảng của di sản văn học dân gian.

Thứ hai, phát triển sản phẩm du lịch dựa trên kể chuyện. Kể chuyện dựa trên văn học dân gian là giải pháp then chốt để chuyển hóa nguồn lực văn hóa mềm thành giá trị trải nghiệm du lịch. Các truyền thuyết, thần tích và làn điệu Quan họ cần được khai thác như những “kịch bản văn hóa”, giúp du khách tiếp cận không gian thông qua mạch truyện và cảm xúc, thay vì chỉ tiếp nhận thông tin rời rạc. Về mặt chính sách, cần khuyến khích xây dựng các sản phẩm du lịch theo chủ đề, chẳng hạn như Tour du lịch theo truyền thuyết thành hoàng làng, Tour trải nghiệm không gian Quan họ gắn với làng quê sinh thái, hay Tour tìm hiểu tri thức sinh thái truyền thống qua ca dao, tục ngữ. Việc phát triển sản phẩm theo hướng kể chuyện không chỉ làm sâu sắc trải nghiệm du lịch, mà còn tạo điều kiện để văn học dân gian được tái hiện trong bối cảnh sống, tránh nguy cơ sản phẩm hóa và giản lược nội dung.

Thứ ba, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực diễn giải văn hóa. Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định trong việc phát huy giá trị Văn học dân gian cho du lịch. Do đó, một hàm ý chính sách quan trọng là cần chú trọng đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên và cán bộ quản lý du lịch có kiến thức chuyên sâu về Văn học dân gian, đồng thời có kỹ năng diễn giải văn hóa và năng lực kể chuyện. Trong trường hợp tỉnh Bắc Ninh, chương trình đào tạo cần được thiết kế theo hướng liên ngành, kết hợp giữa kiến thức Văn hóa dân gian, lịch sử địa phương, sinh thái học văn hóa và kỹ năng, nghiệp vụ du lịch. Bên cạnh đào tạo chính quy, tỉnh và các cấp chính quyền địa phương cần có cơ chế bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên cho các chủ thể văn hóa tại chỗ như liền anh, liền chị Quan họ, người giữ đền, nghệ nhân dân gian, giúp họ tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch với vai trò là người kể chuyện và truyền cảm hứng văn hóa đến với du khách.

Thứ tư, tăng cường vai trò của cộng đồng địa phương trong bảo tồn và khai thác di sản. Các phân tích ở trên cho thấy, cộng đồng địa phương là chủ thể sáng tạo, lưu giữ và truyền lưu Văn học dân gian. Vì vậy, chính sách phát triển du lịch sinh thái cần đặt cộng đồng vào vị trí trung tâm, không chỉ như đối tượng thụ hưởng, mà như đối tác trong quá trình bảo tồn và khai thác di sản. Cụ thể, cần xây dựng các Mô hình du lịch cộng đồng gắn với di sản văn học dân gian, trong đó người dân tham gia vào việc kể chuyện, trình diễn Quan họ, tổ chức lễ hội và hướng dẫn trải nghiệm văn hóa. Việc trao quyền cho cộng đồng không chỉ giúp bảo tồn tính sống của di sản, mà còn góp phần phân phối lợi ích kinh tế công bằng, từ đó tạo động lực lâu dài cho công tác bảo tồn.

Thứ năm, số hóa và truyền thông di sản văn học dân gian. Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc số hóa di sản Văn học dân gian là một giải pháp quan trọng để mở rộng khả năng tiếp cận và tăng cường hiệu quả truyền thông. Các truyền thuyết, thần tích, lời ca Quan họ và tri thức sinh thái truyền thống cần được thu thập, hệ thống hóa và xây dựng thành cơ sở dữ liệu số, phục vụ cho nghiên cứu, giáo dục và du lịch. Đối với tỉnh Bắc Ninh, có thể phát triển các ứng dụng thuyết minh số, bản đồ du lịch văn hóa - sinh thái hoặc sản phẩm truyền thông đa phương tiện dựa trên Văn học dân gian. Tuy nhiên, việc số hóa cần được thực hiện song song với bảo tồn thực hành văn hóa sống, tránh tình trạng “đóng băng” di sản trong không gian ảo và tách rời khỏi cộng đồng.

Thứ sáu, hoàn thiện khung chính sách bảo đảm cân bằng giữa khai thác và bảo tồn. Để phát triển du lịch dựa trên di sản Văn học dân gian một cách bền vững, cần có khung chính sách rõ ràng nhằm cân bằng giữa khai thác và bảo tồn. Các chính sách này cần xác định rõ giới hạn khai thác, cơ chế giám sát và đánh giá tác động của hoạt động du lịch đối với di sản Văn học dân gian và đời sống cộng đồng. Việc xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá phát triển Du lịch sinh thái dựa trên di sản Văn học dân gian là cần thiết, bao gồm các tiêu chí về bảo tồn giá trị văn hóa, bảo vệ môi trường sinh thái và sự tham gia của cộng đồng. Đây sẽ là cơ sở khoa học để điều chỉnh chính sách và định hướng phát triển du lịch trong dài hạn.

7. Kết luận

Bài viết đã tiếp cận Di sản văn học dân gian như một nguồn lực văn hóa mềm trong phát triển du lịch sinh thái, thông qua nghiên cứu trường hợp tỉnh Bắc Ninh. Trên cơ sở phân tích khái quát các thể loại tiêu biểu như truyền thuyết, thần tích, ca dao, dân ca Quan họ và tri thức sinh thái truyền thống, nghiên cứu cho thấy, Văn học dân gian không chỉ góp phần

thiêng hóa không gian, làm sâu sắc trải nghiệm văn hóa - tinh thần của du khách, mà còn truyền tải những giá trị sinh thái và chuẩn mực ứng xử hài hòa giữa con người với môi trường.

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, việc khai thác di sản văn học dân gian cho du lịch đang đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là nguy cơ thương mại hóa, giảm lược giá trị và sự tách rời di sản khỏi không gian - cộng đồng sản sinh ra nó. Từ đó, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách và giải pháp,

nhấn mạnh yêu cầu tích hợp di sản văn học dân gian vào quy hoạch du lịch, phát triển sản phẩm dựa trên kể chuyện, đào tạo nguồn nhân lực diễn giải văn hóa và tăng cường vai trò của cộng đồng địa phương. Các giải pháp trên, nếu được tiếp cận một cách khoa học và bền vững, di sản văn học dân gian có thể trở thành nền tảng quan trọng cho việc xây dựng bản sắc điểm đến và thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, mà tỉnh Bắc Ninh sẽ là một điểm nhấn khác biệt.

Tài liệu tham khảo

- Berkes, F. (2012). *Sacred ecology: Traditional ecological knowledge and resource management* (3rd ed.). Routledge. <https://doi.org/10.4324/9780203123843>
- Bùi, H. S. (2016). *Công nghiệp văn hóa - từ lý thuyết đến thực tiễn Việt Nam*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đình, G. K. (Chủ biên). (1998). *Văn học dân gian Việt Nam*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- Hoàng, T. T. (2001). *Văn học dân gian Việt Nam: Giáo trình đào tạo đại học*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- Holden, A. (2016). *Environment and tourism* (3rd ed.). Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781315767659>
- Lê, T. V. (2010). *Tín ngưỡng thờ thành hoàng làng ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin.
- Ngô, Đ. T. (2009). *Không gian văn hóa tâm linh Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Ngô, Đ. T. (2014). *Bản sắc văn hóa Việt Nam*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- Nguyễn, C. B. (2013). *Văn hóa dân gian Việt Nam trong đời sống đương đại*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Nguyễn, H. B. (2015). *Truyện kể dân gian trong không gian văn hóa xứ Bắc*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Nguyễn, H. S. (2015). *Văn học dân gian với du lịch văn hóa*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn, T. M. T. (2018). *Di sản văn hóa phi vật thể và vấn đề bảo tồn, phát huy*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Nye, J. S., Jr. (1990). *Bound to lead: The changing nature of American power*. Basic Books.
- Phạm, Q. P. (2020). *Du lịch tâm linh ở Việt Nam: Từ thực tiễn đến định hướng phát triển bền vững*. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (428), 45–52.
- Richards, G. (2018). Cultural tourism: A review of recent research and trends. *Journal of Hospitality and Tourism Management*, 36, 12–21. <https://doi.org/10.1016/j.jhtm.2018.03.005>
- Salazar, N. B. (2012). Community-based cultural tourism: Issues, threats and opportunities. *Journal of Sustainable Tourism*, 20(1), 9–22. <https://doi.org/10.1080/09669582.2011.596279>
- Smith, L. (2006). *Uses of heritage*. Routledge. <https://doi.org/10.4324/9780203602263>
- Smith, M., & Richards, G. (2013). *The Routledge handbook of cultural tourism*. Routledge. <https://doi.org/10.4324/9780203081167>
- Timothy, D. J., & Olsen, D. H. (2006). *Tourism, religion and spiritual journeys*. Routledge. <https://doi.org/10.4324/9780203001073>
- Trần, L. B. (2011). *Làng Việt cổ truyền*. Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc.
- Trần, Q. V. (2000). *Văn hóa Việt Nam - tìm tòi và suy ngẫm*. Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc.
- Tổng cục Du lịch. (2021). *Du lịch văn hóa và du lịch tâm linh ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Lao động.
- Tuan, Y. F. (1977). *Space and place: The perspective of experience*. University of Minnesota Press.
- UNESCO. (2003). *Convention for the safeguarding of the intangible cultural heritage*. <https://ich.unesco.org/en/convention>
- UNESCO. (2009). *Quan họ Bắc Ninh folk songs of Viet Nam: Intangible cultural heritage of humanity*. <https://ich.unesco.org/en/RL/quan-ho-bac-ninh-folk-songs-00183>
- Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam. (2012). *Dân ca quan họ Bắc Ninh - di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại*. Nhà xuất bản Văn hóa Nghệ thuật.

DI SẢN VĂN HỌC DÂN GIAN - NGUỒN LỰC VĂN HÓA MỀM
TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI Ở VIỆT NAM:

Nghiên cứu trường hợp tỉnh Bắc Ninh

Lê Văn Tấn^a

Nguyễn Thị Hương^b

^{a,b}Khoa Du lịch, Trường Đại học Công đoàn

ROR: <https://ror.org/05g81h903>

^aEmail: tanlv@dhcd.edu.vn

ORCID iD: <https://orcid.org/0000-0001-7589-4238>

^bEmail: huongntdl@dhcd.edu.vn

ORCID iD: <https://orcid.org/0000-0002-0271-1207>

Lịch sử bài báo

Ngày nhận bài: 06/11/2025

Ngày phản biện: 16/01/2026

Ngày tác giả sửa: 22/02/2026

Ngày duyệt đăng: 20/3/2026

Ngày phát hành: 30/3/2026

DOI: <https://doi.org/10.64223/tvj.p2026.v2.i5.a92>

Tóm tắt:

Bài viết này tập trung phân tích vai trò của di sản văn học dân gian như một nguồn lực văn hóa mềm trong phát triển du lịch sinh thái, thông qua nghiên cứu trường hợp tỉnh Bắc Ninh. Trên cơ sở tiếp cận liên ngành giữa văn học dân gian, văn hóa học và du lịch học, bài viết làm rõ cơ chế mà truyền thuyết, thần tích, ca dao và dân ca Quan họ tham gia vào quá trình kiến tạo không gian du lịch, nâng cao chiều sâu trải nghiệm văn hóa - tinh thần của du khách. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc khai thác di sản văn học dân gian giúp chuyển dịch trọng tâm phát triển du lịch từ không gian vật thể sang trải nghiệm văn hóa, đồng thời góp phần định vị bản sắc điểm đến theo hướng bền vững. Bài viết cũng chỉ ra những thách thức trong cân bằng giữa khai thác và bảo tồn, từ đó đề xuất một số hàm ý cho chính sách và thực tiễn phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Văn học dân gian; Nguồn lực văn hóa mềm; Du lịch sinh thái; Tỉnh Bắc Ninh.